

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ N H  
TỈNH K H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N H, TỈNH K H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Văn H**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lương Công Th**  
Bà **Trần Thị H1**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Bùi Thị B** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N H, tỉnh K H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Mỹ Ng** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân thị xã N H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 542/2019/HNGĐ ngày 31/12/2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2020, Thông báo về việc dời ngày xét xử ngày 08/4/2020 và Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử ngày 23/4/2020 của Tòa án nhân dân thị xã N H giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim D** - Sinh năm: 1990.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã N S, thị xã N H, tỉnh K H. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Trương Thanh Nh** - Sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã N S, thị xã N H, tỉnh K H. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:** Bà và ông Trương Thanh Nh kết hôn năm 2019 tại UBND xã N S, thị xã N H, tỉnh Khánh Hòa, được Ủy ban cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44, cấp ngày 15/11/2019. Bà và ông Nh chỉ làm thủ tục đăng ký kết hôn, chưa tổ chức đám cưới, không sống chung như vợ chồng. Sau khi đăng ký kết hôn, bà và ông Nhuận phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường cãi nhau về định hướng công việc của mỗi bên nên tình cảm hai bên bị rạn nứt. Bà và ông Nh không còn liên lạc quan tâm nhau. Nay bà D không còn tình cảm với ông Nh nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Thanh Nh.

Về con chung: Bà và ông Trương Thanh Nh không có con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn ông Trương Thanh Nh*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nhuận không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không trực tiếp lấy được lời khai của ông Nh và không tiến hành hòa giải được vụ án.

\* **Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- **Về tố tụng**: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì. Tại phiên tòa, ông Trương Thanh Nh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do là tự tước mất quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án.

- **Về nội dung vụ án**: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D và cho bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Trương Thanh Nh.

Về con chung: Bà D và ông Nh không có con chung nên đề nghị không giải quyết.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Bà D phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Trương Thanh Nh đã được tòa án tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ông Trương Thanh Nh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Thanh Nh theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình về ly hôn, vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Trương Thanh Nh tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N S, thị xã N H, tỉnh K H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44, cấp ngày 15/11/2019 nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Trương Thanh Nh không chung sống với nhau như vợ chồng, quan hệ hôn nhân mới chỉ xác lập trên giấy chứng nhận kết hôn thì bà Nguyễn Thị Kim D và ông Trương Thanh Nh phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Kim D yêu cầu ly hôn với ông Trương Thanh Nh là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Trương Thanh Nh không có con chung.

3.3. *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Kim D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH :**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Trương Thanh Nh.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Trương Thanh Nh không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim D không yêu cầu nên không xem xét.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**2. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009148 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N H. Bà Nguyễn Thị Kim D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
  - TAND tỉnh K H;
  - VKSND thị xã N H;
  - UBND xã N S
- (GCNKH số 44/2019);
- Chi cục THADS thị xã N H;
  - Lưu HS, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Hải**